TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 146/2019/QĐST- DS	*Thủ Đức, ngày 27 tháng 3 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v yêu cầu tuyên bố một người mất tích

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Lệ Thuỷ

Thư ký phiên họp: Bà Lưu Thị Ngọc Hương- Thư ký Toà án Nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Trần Thị Hồng- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Toà án Nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 444/2018/TLST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2018 về việc "Yêu cầu tuyên bố một người mất tích" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 86/2019/QĐST- DS ngày 18 tháng 3 năm 2019, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1/ Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Nguyễn Thị Mỹ T- sinh năm 1977

Thường trú: đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo uỷ quyền của người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Phạm Bính K- sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: đường H, Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh

(Giấy uỷ quyền có số công chứng 020879, quyển số 10/2018/HĐGD-CCBN ngày 25/10/2018 của Văn phòng công chứng B)

Yêu cầu tuyên bố mất tích đối với ông Đoàn Công M- sinh năm 1979

Nơi cư trú cuối cùng: đường T, phường T1, quận T2, Thành phố Hồ Chí Minh

2/ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Đoàn Quang C- sinh năm 1953

Thường trú: đường T, phường T1, quận T2, Thành phố Hồ Chí Minh. (có yêu cầu vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Bà Nguyễn Thị Mỹ T- có người đại diện theo uỷ quyền trình bày trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên họp:

Bà Nguyễn Thị Mỹ T và ông Đoàn Công M- sinh năm 1979 kết hôn hợp pháp theo giấy chứng nhận kết hôn số 15, quyển số 01/2001 do Ủy ban Nhân dân Phường I, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/02/2001. Qúa trình chung sống, bà T và ông M có 02 con chung tên Đoàn Minh T1 sinh ngày 31/01/2003 và Đoàn Minh M1 sinh ngày 16/9/2004, hai con chung hiện do bà T đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông M có hộ khẩu thường trú tại đường T, phường T1, quận T2, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, từ năm 2014, ông M đã đi đâu không rõ, không có liên lạc gì với bà T và gia đình. Bà T đã tìm kiếm ông M nhưng không có kết quả. Do đó, nay bà T yêu cầu Toà án tuyên bố ông M mất tích theo quy định của pháp luật.

Ông Đoàn Quang C trình bày trong quá trình tham gia tố tụng:

Từ năm 2014 cho đến nay, ông không có tin tức gì của ông M. Nay ông đồng ý tuyên bố ông M mất tích và ông yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên họp phát biểu ý kiến: Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết việc dân sự của Thẩm phán được phân công giải quyết vụ việc là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: yêu cầu của đương sự là có cơ sở, đề nghị chấp nhận yêu cầu của đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện Kiểm sát tại phiên họp, Tòa án Nhân dân quận Thủ Đức nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án và quan hệ pháp luật để giải quyết: Bà Nguyễn Thị Mỹ T yêu cầu Toà án tuyên bố ông Đoàn Công M mất tích nên căn cứ Khoản 3 Điều 27 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Theo kết quả xác minh của Công an phường T1, quận T2 xác định ông Đoàn Công M có nơi cư trú cuối cùng tại quận T2 nên căn cứ Điểm a Khoản 2 Điều 35, Điểm b Khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Ông Đoàn Quang C có đơn yêu cầu vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên căn cứ quy định tại Điều 361, Khoản 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Toà án tiến hành mở phiên họp vắng mặt đối với ông C.

[3] Xét yêu cầu của đương sự:

Căn cứ theo giấy chứng nhận kết hôn số 15, quyển số 01/2001 do Ủy ban Nhân dân Phường I, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/02/2001 thì bà Nguyễn Thị Mỹ T và ông Đoàn Công M là vợ chồng hợp pháp nên bà T có quyền làm đơn yêu cầu Toà án tuyên bố ông Đoàn Công M mất tích.

Căn cứ vào xác minh của Công an phường T1, quận T2 xác định ông M có đăng ký thường trú tại đường T, phường T1, quận T2, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện ông M không cư trú tại địa phương, từ năm 2014 cho đến nay không có tin tức gì của ông M. Ngày 18/10/2018, bà T làm đơn yêu cầu Toà án tuyên bố ông M mất tích. Qúa trình thụ lý giải quyết yêu cầu của đương sự, ngày 12/11/2018 Toà án đã ban hành quyết định thông báo tìm kiếm người bị yêu cầu tuyên bố mất tích số 03/2018/QĐ-TBTKMT và đã thực hiện thủ tục thông báo tìm kiếm ông M theo quy định tại Điều 388 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là đăng phát thông tin trên báo Thanh Niên, Đài Tiếng nói Việt Nam và cổng thông tin điện tử của Toà án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, kết thúc thời hạn thông báo tìm kiếm không có tin tức gì của ông M. Do đó, căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 68 Bộ luật Dân sự năm 2015, bà T yêu cầu tuyên bố ông M mất tích là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 27, Điểm a Khoản 2 Điều 35, Điểm b Khoản 2 Điều 39, Điều 361, Điều 367, Điều 371, Điều 372, Điều 388, Điều 389 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 68 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Mỹ T:

Tuyên bố ông Đoàn Công M- sinh năm 1979, nơi cư trú cuối cùng đường T, phường T1, quận T2, Thành phố Hồ Chí Minh mất tích.

2/ Về lệ phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ T phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà Nguyễn Thị Mỹ T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số AA/2018/0022850 ngày 26/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức.

3/ Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Bà Nguyễn Thị Mỹ T có quyền làm đơn kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Toà án ra quyết định. Ông Đoàn Quang C có quyền làm đơn kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày quyết định được tống đạt hợp lệ. Viện Kiểm sát Nhân dân quận Thủ Đức có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 10 ngày, Viện Kiểm sát Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Toà án ra quyết định.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi

hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM
- VKSND Q.Thủ Đức;
- Chi cục THADS Q.Thủ Đức;
- Các bên đương sự;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP
(đã ký)

Nguyễn Thị Lệ Thủy